

sở cho việc theo dõi và đánh giá thực hiện một số mục tiêu cụ thể của các MTPTBV 5, 10 và 16.

Các phát hiện từ thực tiễn tiếp cận công lý, hiệu quả hoạt động các thiết chế tư pháp ở cơ sở, sự tham gia của người dân vào quản trị địa phương và vai trò của các cơ quan dân cử hy

vọng sẽ có ích cho các cơ quan nhà nước xác định và triển khai các giải pháp hiệu quả, đồng bộ trong thời gian tới. Kết quả của nghiên cứu Chỉ số Công lý cũng cung cấp thêm thông tin cho các tổ chức xã hội và người dân tham gia góp phần xây dựng một nền tư pháp vì dân, mang lại công bằng, bình đẳng, và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

PHỤ LỤC 1: GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP

Chỉ số Công lý xây dựng dựa trên kinh nghiệm tốt trong quá trình khảo sát và chọn mẫu từ việc thực hiện Chỉ số Hiệu quả Quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) thực hiện hàng năm từ năm 2009. Chỉ số Công lý thúc đẩy hướng tiếp cận này theo 2 cách. Thứ nhất, dự án này đã giúp tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí trong giai đoạn thực hiện điều tra thông qua việc sử dụng thiết kế chọn mẫu tương tự để lựa chọn huyện, xã và thôn. Hơn nữa, cách làm này có lợi là cả hai cuộc điều tra đều dựa trên dàn mẫu như nhau. Điều này đảm bảo rằng số liệu tổng hợp thu được từ hai dự án có thể so sánh trực tiếp, do đó cho phép đánh giá xem có sự tương quan giữa kết quả chỉ số Công lý và PAPI hay không.

Thiết kế mẫu

Khảo sát Chỉ số Công lý năm 2015 được thực hiện ở tất cả các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. Dữ liệu được sử dụng làm thước đo về tình hình ở Việt Nam nói chung cũng như tính toán các chỉ tiêu phù hợp để so sánh kết quả của các tỉnh với nhau. Ở 56 tỉnh, kế hoạch chọn mẫu yêu cầu lựa chọn ngẫu nhiên 240 người trả lời, với kỳ vọng số người trả lời hoàn thành là 200 người ở mỗi tỉnh. Để đảm bảo duy trì xác suất cân bằng hơn trong việc lựa chọn người trả lời giữa các đơn vị chọn mẫu tỉnh, quy mô mẫu của các thành phố như Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (HCMC) gấp ba lần so với quy mô của các tỉnh khác, do đó sẽ lựa chọn 720 người trả lời ở 2 thành phố với dự đoán mỗi nơi sẽ có 600 cuộc phỏng vấn hoàn thành. Tương tự, quy mô mẫu ở các tỉnh lớn như An Giang, Đồng Nai, Nghệ An và Thanh Hóa gấp đôi so với các tỉnh còn lại (chọn 480 người trả lời với kỳ vọng hoàn thành 400 cuộc phỏng vấn) để phản ánh tầm quan trọng của yếu tố nhân khẩu.

Việc thiết kế mẫu này không hoàn toàn là cách lấy mẫu xác suất bằng nhau, vì các tỉnh nhỏ nhất được lấy mẫu nhiều hơn để đảm bảo quy

mô mẫu đủ lớn trong bối cảnh yêu cầu của nghiên cứu là tạo ra các ước lượng điểm trên toàn tỉnh. Tuy nhiên thiết kế chọn mẫu dựa trên xác suất lựa chọn do máy tính thực hiện, do đó mức độ để một tỉnh được chọn nhiều hơn (hay ít hơn) có thể được tính toán sử dụng số liệu tổng điều tra sẵn có, cùng với sử dụng trọng số sau phân tầng để có được các ước lượng điểm đúng ở cấp cả nước. Chọn mẫu được thực hiện theo 5 giai đoạn để lựa chọn (i) huyện, (ii) xã, (iii) thôn, (iv) hộ, và cuối cùng là (v) người trả lời. Dưới cấp tỉnh, quá trình lựa chọn đòi hỏi lựa chọn có chủ đích một địa bàn là thủ phủ của tỉnh, và hai huyện khác được lựa chọn theo phương pháp xác suất tỷ lệ theo quy mô (PPMS). Trường hợp ngoại lệ là Hà Nội và TPHCM với tổng cộng 6 quận/huyện được lựa chọn ở mỗi thành phố. Dưới cấp huyện, lựa chọn có chủ đích một xã/phường là thủ phủ của huyện, và một xã/phường còn lại lựa chọn theo phương pháp PPMS. Tương tự, một thôn là trung tâm của mỗi xã/phường được lựa chọn cùng với một thôn khác theo phương pháp PPMS. Các điều tra viên sau đó thu thập và xác nhận danh sách của tất cả các cư dân trên 18 tuổi ở mỗi thôn, theo đó các hộ được chọn ngẫu nhiên. Cuối cùng, một thành viên phù hợp theo tiêu chí trong mỗi hộ lấy mẫu được chọn ra ngẫu nhiên và được mời đến gặp nhóm phỏng vấn. Phần mềm thống kê được sử dụng để lựa chọn người trả lời, tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế về thiết kế chọn mẫu đa tầng và ngẫu nhiên. Phương pháp này nhằm mục tiêu thu thập thông tin từ một mẫu đại diện dân số Việt Nam trên 18 tuổi.

Quá trình điều tra và kiểm soát chất lượng

Quá trình điều tra bắt đầu với việc tập huấn cán bộ kiểm soát thực địa, người dẫn dắt và giám sát các nhóm thu thập số liệu ở từng tỉnh. Các cán bộ điều tra đa phần là sinh viên năm cuối hoặc đã tốt nghiệp đại học có

chuyên môn về xã hội học, nghề công tác xã hội hay các lĩnh vực liên quan. Quá trình này giúp tăng cường tính khách quan và độc lập của công tác điều tra. Mỗi nhóm điều tra viên phải trải qua quá trình tập huấn, hướng dẫn chi tiết về nội dung và kỹ năng phỏng vấn và chịu sự giám sát của các trưởng nhóm thực địa. Số liệu thu thập được nhập vào máy tính bảng và được nhóm thực địa tải lên thường xuyên, chuyển sang bộ dữ liệu cuối cùng phù hợp cho việc phân tích thực nghiệm. Tổng số có 13.841 người được phỏng vấn trực tiếp trong khuôn khổ của điều tra chỉ số Công lý năm 2015, xấp xỉ 80% của dân số lấy mẫu tối

đa. Tóm tắt về mẫu theo tỉnh được đưa ra ở Phụ lục 2.

Kiểm định chất lượng dữ liệu

Có thể kiểm tra độ tin cậy của chỉ số Công lý dựa trên các biến số có sẵn từ Tổng điều tra dân số giữa kỳ năm 2014. Bảng 23 so sánh phân phối của các biến nhân khẩu học chính giữa Chỉ số Công lý 2015, PAPI 2015 và số liệu tổng điều tra dân số 2009 và điều tra giữa kỳ 2014. Bảng này khẳng định sự nhất quán về mẫu lựa chọn với các đặc điểm nhân khẩu thực tế của dân số Việt Nam.

Bảng 23: So sánh các biến nhân khẩu học chính giữa số liệu tổng điều tra 2009, điều tra dân số giữa kỳ 2014, PAPI 2015 và Chỉ số Công lý 2015

	Tổng điều tra dân số 2009	Điều tra giữa kỳ 2014	PAPI 2015	Chỉ số công lý 2015*
Giới				
Nam	49,4	49,3	45,9	44,2
Nữ	50,6	50,7	54,1	55,8
Dân tộc				
Kinh	85,7	**	83,9	84,4
Dân tộc khác	14,3	**	15,9	15,6
* Chưa tính trọng số				
** Không có số liệu				

Các nhóm xã hội yếu thế

Chỉ số Công lý đặc biệt quan tâm tới cách thức mà các nhóm dân số với những thách thức kinh tế xã hội cụ thể đang phải đối mặt với vấn đề liên quan tới công lý. Nhóm nghiên cứu xác định 4 nhóm chính.

- Nhóm có trình độ học vấn thấp: Người trả lời chỉ có trình độ giáo dục tiểu học hoặc thấp hơn. Nhóm này chiếm 32% trong tổng mẫu.
- Người nghèo: Người trả lời tự xác định là người nghèo hoặc cận nghèo theo đúng danh sách nghèo trong thôn. Nhóm này chiếm 16,7% trong tổng mẫu.
- Nhóm không có vị trí xã hội: Người trả lời

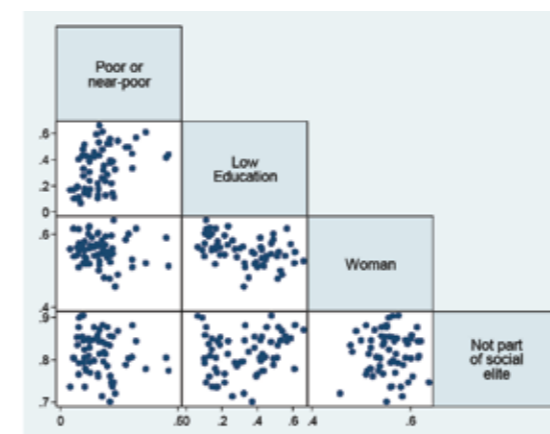
không thuộc tầng lớp có vị trí xã hội ở địa phương chiếm 82% tổng số mẫu. Người trả lời được xem là có vị trí xã hội được phân nhóm dựa vào nghề nghiệp trong xã hội hoặc uy tín của họ ở cộng đồng, bao gồm công chức, thẩm phán, công tố viên, cảnh sát, giáo viên, cán bộ lãnh đạo trong tổ chức Đảng và Mặt trận Tổ quốc, hiện đang làm việc hay đã nghỉ hưu, hoặc trưởng thôn, trưởng bản, trưởng họ. Tầng lớp có vị trí xã hội chiếm 18% tổng số mẫu.

- Phụ nữ: chia theo giới tính, phụ nữ chiếm 55,8% tổng số mẫu.

Hầu hết người trả lời chỉ thể hiện một trong những đặc điểm này, và hiện diện của các cá nhân có đặc điểm nhóm nêu trên là không

đồng đều giữa các tỉnh. Hình 15 thể hiện biểu đồ phân tán theo cặp mô tả tỷ trọng trung bình đối với từng nhóm cho toàn bộ 63 tỉnh. Loại trừ mối quan hệ giữa nghèo đói và giới, bốn nhóm này có mối tương quan cùng chiều, mặc dù hệ số tương quan tương đối thấp, song vẫn có ý nghĩa thống kê. Có người tham gia khảo sát hội tụ nhiều đặc điểm khác nhau, ví dụ: 451 nam giới trong mẫu vừa là người nghèo, không có vị trí xã hội và có trình độ giáo dục thấp, trong khi có 794 phụ nữ có những đặc điểm tương tự. Tổng số có 1.255 trường hợp như vậy, chiếm 9,07% tổng số mẫu.

Hình 15: Phân bố các nhóm xã hội ở các tỉnh thành



Dấu chấm thể hiện tỷ trọng trung bình cho từng biến ở cấp tỉnh

Biểu đồ thống kê tương quan các biến cá nhân: Nghèo, Học vấn thấp, Phụ nữ, Không có địa vị xã hội.

Chỉ số Công lý dựa trên 70 mục quan tâm được phân tích theo nhóm xã hội. Đối với mỗi tỉnh và mỗi chỉ số, một phương trình hồi quy bao gồm các biến nhân khẩu và kinh tế xã hội liên quan được ước lượng, cho phép chúng ta nắm bắt được tương hỗ của 4 hệ số chính.

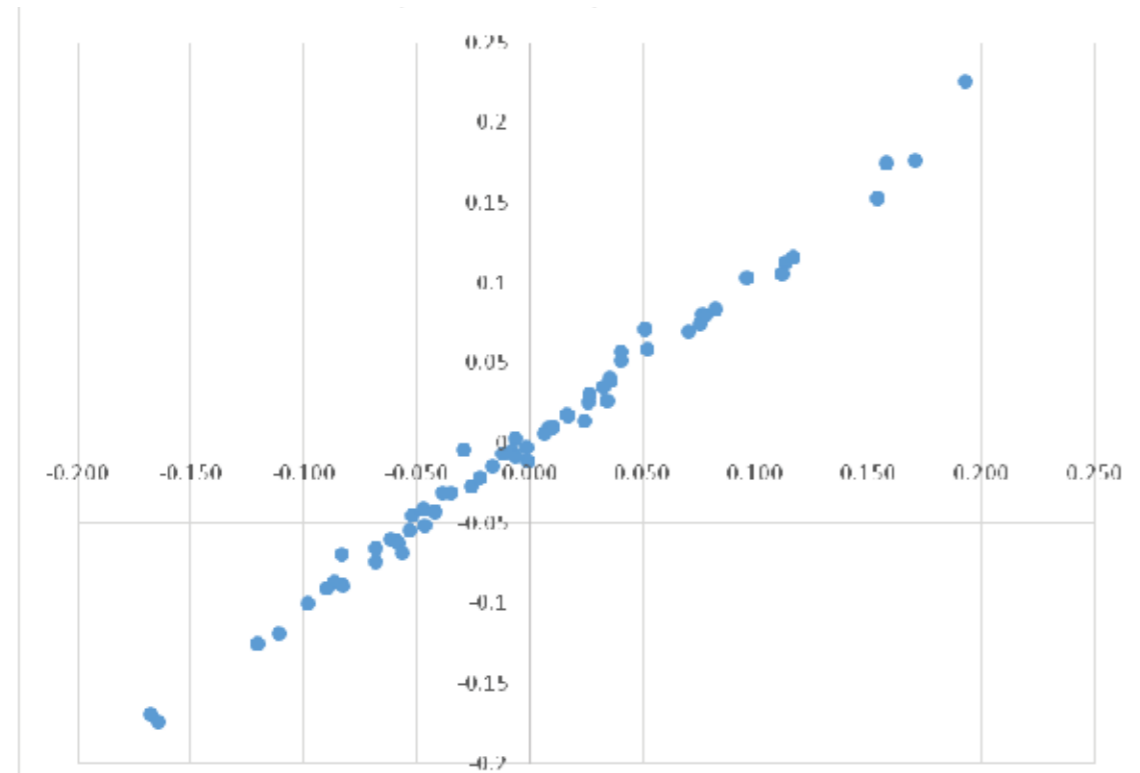
$$\text{Biến phụ thuộc} = \beta_1 * \text{Giới} + \beta_2 * \text{Giáo dục} + \beta_3 * \text{Nghèo đói} + \beta_4 * \text{Tình trạng xã hội} + \text{hằng số.}$$

Chúng tôi phát hiện bằng chứng về sự bất bình đẳng giữa các nhóm (ví dụ giữa nữ với nam) nếu hệ số có ý nghĩa thông kê ở mức 95% hoặc tốt hơn: hệ số càng lớn, thì khoảng cách giữa nhóm quan tâm và nhóm kiểm soát sẽ càng lớn. Do đó, đối với nhóm nghèo hoặc cận nghèo, mỗi tỉnh được đánh giá 70 lần. Khi sai số chuẩn là lớn và β không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê so với giá trị 0 ở mức độ ý nghĩa 0,05, hệ số được bỏ qua. Tất cả các hệ số có ý nghĩa được giữ lại. Bằng cách tính giá trị trung bình cho hơn 70 giá trị có cùng tỷ lệ, chúng ta có thể ước lượng mức độ mà theo đó việc là người nghèo có tác động cùng chiều hay ngược chiều đến kết quả chỉ số của tỉnh. Mỗi phép đo bất bình đẳng dựa trên 4.410 hồi quy riêng biệt (70 x 63). Logic tương tự cũng áp dụng đối với nhóm có trình độ giáo dục thấp hơn, phụ nữ và dân số không thuộc nhóm có vị trí xã hội.

Số liệu trọng số so với số liệu không tính trọng số

Hiệu chỉnh thêm về số liệu đó là xem xét các kết quả so sánh lấy từ số liệu không tính trọng số với số liệu hậu phân tầng. Với hạn chế của tổng điều tra dân số 2009, chúng tôi chỉ có thể lập bảng giới tính của dân số trưởng thành ở mỗi tỉnh. Khi những điều chỉnh này được xem xét, rõ ràng cả hai bộ kết quả có mối tương quan chặt chẽ, với mong đợi về một mẫu PPMS đại diện ngẫu nhiên, xem Hình 16. Do đó, nếu không có những lưu ý khác, chúng tôi dựa vào các ước lượng phi trọng số trong toàn bộ báo cáo này.

Hình 16: Tương quan giữa số liệu trọng số và số liệu không tính trọng số



Tổng hợp các chỉ tiêu vào các trục nội dung và hợp phần của trục nội dung

Khi xây dựng một chỉ số tổng hợp dựa trên nhiều hợp phần, các nhà nghiên cứu luôn tìm cách xem xét xem các nhóm khác nhau có mối quan hệ thế nào với nhóm khác, hơn là tập trung vào giá trị tuyệt đối của một chỉ tiêu quan tâm. Các chỉ số có thể được xây dựng theo nhiều phương pháp khác nhau, thường là dấu hiệu quan sát được của một khái niệm cụ thể được tìm kiếm đưa vào trong một chỉ số. Việc lựa chọn các chỉ tiêu dựa trên cơ sở lý thuyết (theo nghĩa là mỗi mục phải có mối liên quan logic với yếu tố chúng ta đang cố gắng tính toán), nhưng cũng phải đúng trên cơ sở thực nghiệm, theo nghĩa là các thành phần của chỉ số tổng hợp thể hiện sự thay đổi đủ lớn. Có những trường hợp gặp phải khi một biến số lựa chọn đưa vào dựa trên cơ sở lý thuyết lại không thể sử dụng được trên thực tế khi

việc thu thập số liệu đã hoàn thành, khi mà biến số thiếu sự biến động đủ lớn. Nếu một biến cụ thể không cho thấy biến đổi trên tổng mẫu, biến đó chắc chắn cần phải được loại bỏ. Các kết quả thực nghiệm từ số liệu điều tra ít khi kém biến đổi. Phương sai giữa các đơn vị thường là vấn đề mức độ, khi một số nhóm có phương sai cao hơn so với các nhóm khác. Tuy nhiên, chỉ lướt qua số liệu khó có thể dễ dàng giúp các nhà nghiên cứu quyết định những biến số nào cần được giữ lại để tính toán chỉ số, và những biến nào cần được loại bỏ.

Về mặt lịch sử, cách tiếp cận tiêu chuẩn đối với việc xây dựng chỉ số đòi hỏi sử dụng các biến thể được gọi là “phân tích nhân tố”. Đơn giản như, phân tích nhân tố có thể được sử dụng để tạo ra một bộ các trọng số theo các biến dựa trên đóng góp vào phương sai chung của số liệu. Các biến đóng góp ít vào phương sai sẽ được giảm vai trò, ngược lại các biến làm ‘căng’ dữ liệu có đóng góp nhiều hơn vào tổng điểm nhân tố.

Cách tiếp cận trong Chỉ số Công lý năm 2015 dựa chủ yếu trên phương pháp phân tích đa chỉ tiêu (MCA), có liên quan chặt chẽ với phân tích nhân tố truyền thống, nhưng có lợi thế vì không vi phạm các giả thuyết quan trọng. Phân tích nhân tố giả định dữ liệu liên tục, song phương án trả lời thu thập từ bảng hỏi điều tra lại hiếm khi liên tục. Thay vào đó, hầu hết số liệu thu thập hoặc là nhị phân (trả lời Có/Không), nguyên gốc (ví dụ như theo kiểu tần suất xuất hiện ‘rất thường xuyên’, ‘thường xuyên’, ‘hiếm khi’, hoặc ‘rất hiếm khi’) hay thậm chí dữ liệu phân loại nhiều tỷ lệ không thể sắp đặt được thứ tự, mà chỉ đơn giản phân tách câu trả lời vào các nhóm riêng biệt.

Sử dụng mô hình hồi quy tác động cố định để đánh giá kết quả thực hiện của tỉnh

Khi các nhà nghiên cứu tìm cách ước lượng ảnh hưởng của một biến độc lập (x) đến một biến quan tâm (y), thì chúng ta tóm tắt dưới dạng hồi quy đa biến tiêu chuẩn như sau: $Y = X\beta + \epsilon$. Chúng ta đặc biệt quan tâm đến vấn đề ảnh hưởng mà các nhà nghiên cứu đang tìm cách đo lường có thể bị nhiễu bởi các yếu tố gây nhiễu khác. Không tính tới các biến loại bỏ dẫn tới tình trạng ước lượng thiên lệch hệ số β , một vấn đề được gọi là thiên lệch của biến bị loại bỏ trong các tài liệu kinh tế lượng.

Nghiên cứu Chỉ số Công lý tập trung đánh giá hoạt động tư pháp ở cấp quốc gia và ở cấp tỉnh thành. Việc phân tích được tiến hành trên cơ sở ghi nhận thực tế mỗi người dân không phải là đồng nhất như nhau, và tính đa dạng của các đặc điểm kinh tế xã hội và nhân khẩu không được phân bố đồng đều về mặt địa lý. Thực tế các tỉnh không có các đặc điểm kinh tế xã hội và nhân khẩu tương đồng gây khó khăn hơn cho nỗ lực ước lượng liệu một cá nhân i sống ở một tỉnh hay đô thị j nào đó có kinh nghiệm tốt hơn hay xấu hơn so với một cá nhân tương đương, theo nghĩa là người đó có đặc điểm nhân khẩu học tương tự cá nhân i, nhưng sống ở tỉnh k. Chúng ta có thể nhận thấy các tỉnh thành dường như thực hiện tốt về các chỉ tiêu

và chiều cạnh chính của Chỉ số Công lý có thể đạt điểm cao không nhất thiết là do các tỉnh đó thực sự đã làm được gì về phương diện chính sách hay cung cấp dịch vụ, thay vào đó chỉ đơn giản vì may mắn có được dân số với đặc điểm kinh tế xã hội có tương quan với các kết quả tốt. Ngược lại, tỉnh thành khác có thể có hiệu quả hoạt động thể hiện chưa tốt đơn giản chỉ vì không có được nền tảng nhân khẩu thuận lợi. Nói cách khác, nếu không kiểm soát được các biến X, sẽ rất khó phát hiện ra kết quả thực hiện tốt của các tỉnh, với nguồn lực hạn chế, đã có thể “làm nhiều hơn với nguồn lực ít hơn”.

Phương pháp mô hình tác động cố định có thể được sử dụng để khắc phục hiệu quả những vấn đề này. Trong một hồi quy đa biến đơn nhất, có thể tách bạch các thuộc tính nhân khẩu-xã hội và thuộc tính kinh tế ở cấp cá nhân vốn là những yếu tố cố hữu quyết định lựa chọn hành động ở các trải nghiệm tư pháp ở cơ sở (những thuộc tính này được thảo luận ở Chương 2 trong báo cáo), trong khi xác định tác động cùng chiều (hay ngược chiều) của việc là người dân ở một tỉnh nhất định. Đơn giản là, chúng ta quan tâm liệu đặc điểm địa lý có ảnh hưởng gì không, khi tất cả các yếu tố khác không đổi.

Như vậy, chúng tôi ước lượng mô hình ảnh hưởng cố định $Y = X_i\beta + \delta_j + \epsilon$ trong đó:

- Y là vector chỉ số quan tâm
- X là ma trận đại diện cho biến với các đặc điểm cá nhân.
- β là vector các hệ số hồi quy ước lượng tương ứng với các thuộc tính cá nhân.
- d là biến nhị phân (‘biến giả’) được đánh mã là 1 nếu người trả lời i sống ở tỉnh j, và đánh mã là 0 nếu ngược lại.
- δ là ước tính về tác động của việc người trả lời sống ở tỉnh j. Với N tỉnh, chúng tôi ước tính N-1 hệ số của biến giả, do tỉnh thứ N được áp hằng số.
- ϵ là sai số.

Cách tiếp cận mô hình này công nhận rằng các biến X cần được tính đến, song vì mục đích đánh giá thực hiện của các tỉnh với nhau, nên chúng ta quan tâm nhất tới việc ước lượng độ lớn và dấu của tác động δ . Nhớ lại rằng tất cả các chỉ số thành phần được hiệu chỉnh theo thang điểm từ 0-10 và đánh mã để mà giá trị “cao hơn” có nghĩa là “tốt hơn”. Như vậy, nếu $\delta > 0$, chúng ta có thể tự tin kết luận, với tất cả các yếu tố khác như nhau, người dân ở tỉnh j có kinh nghiệm tốt hơn về khía cạnh Y so với người dân ở các tỉnh có tác động $\delta = 0$ hay thậm chí có giá trị âm.

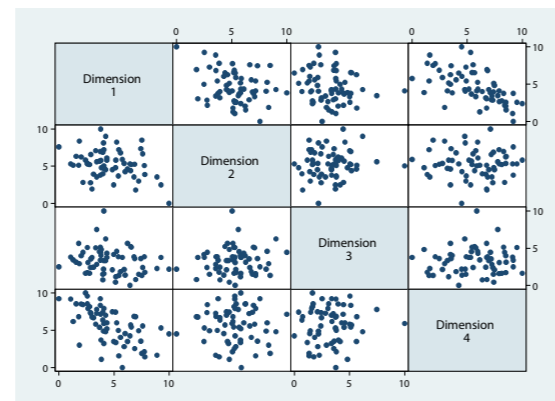
Ngoài dấu và độ lớn của ước lượng tác động δ , mối quan tâm thứ hai liên quan tới hiệu suất thống kê, tức là lòng tin của chúng ta về số liệu khảo sát trên thực tế giúp phát hiện sự khác biệt ý nghĩa giữa các tỉnh và xác định cả các tỉnh mạnh và yếu. Khoảng tin cậy (CIs) do đó là thành tố cơ bản trong phân tích. Khi cả ngưỡng trên và ngưỡng dưới của khoảng tin cậy CI liên quan tới ước lượng δ có giá trị dương, có thể chắc chắn rằng, ở mức nghiên cứu đặt ra là 95%, ảnh hưởng cùng chiều được phát hiện có ý nghĩa về mặt thống kê. Ngược lại, nếu cả hai giá trị của khoảng tin cậy có giá trị âm, có thể khẳng định rằng tỉnh đó không thực hiện tốt so với các tỉnh còn lại. Nhìn chung, khoảng tin cậy cho phép chúng ta phân loại 3 nhóm tỉnh: các tỉnh thực hiện tốt, các tỉnh thực hiện kém, và các tỉnh ở mức trung bình giữa hai nhóm trên. Trong những điều kiện nhất định, chúng ta sẽ có thể tiến hành so sánh và phân loại các tỉnh trong cùng một nhóm.

Tương quan giữa các chỉ tiêu thành phần

Sự không đồng nhất của kết quả ở một chừng mực nào đó là sản phẩm của việc thiết kế các chỉ tiêu, các cấu phần và các trục nội dung với đủ thông tin và chuyên biệt. Nếu các chỉ tiêu có mối tương quan mạnh với nhau, chỉ số tổng hợp sẽ không có nhiều thông tin. Nhóm nghiên cứu đã rất cẩn thận để đảm bảo rằng, việc nhóm các chỉ tiêu theo các cấu phần và các trục nội dung của chỉ số cho phép các nhà phân tích phân biệt các khía cạnh khác

nhau về trải nghiệm tư pháp mà theo khung lý thuyết và phân tích chính sách cần được đánh giá dựa trên giá trị riêng của của từng khía cạnh. Tương quan chéo giữa các trục nội dung của Chỉ số Công lý cho biết bộ chỉ số đã đo lường các khía cạnh khác nhau. Cả đồ thị phân tán và ma trận tương quan Pearson đều thể hiện rằng, mỗi trục nội dung đều có đóng góp ý nghĩa và riêng biệt vào bộ chỉ số chung. Phân tích cũng cho thấy mối tương quan ngược chiều tương đối mạnh giữa Trục nội dung 1 và Trục nội dung 4. Trong trường hợp này, chúng ta có thể dễ dàng loại trừ giả thuyết cho rằng có những yếu tố tương tự đang ‘tác động xấu’ tới cả hai trục. Trục 1 liên quan tới việc đo lường kinh nghiệm về khả năng tiếp cận công lý, trong khi Trục 4 tập trung vào đánh giá của cá nhân về các quyền cơ bản. Trên thực tế, kết quả của một mối tương quan ngược chiều này rất có ý nghĩa, bởi nó ngụ ý rằng những người được tiếp cận dễ dàng hơn với cơ quan tư pháp và dịch vụ tư pháp sẽ ít lạc quan về cách thức quyền được thực thi trên thực tế so với những người không được tiếp cận nhiều với các cơ quan đó, và do đó ít có khả năng quan sát và trải nghiệm xem các cơ quan hoạt động hiệu quả thế nào trên thực tế, xem Hình 17.

Hình 17: Tương quan giữa các trục nội dung



Mỗi dấu chấm đại diện cho một tỉnh

Trục 1	Trục 2	Trục 3	Trục 4	
Trục 1	1.00			
Trục 2	-0.29*	1.00		
Trục 3	-0.19	0.11	1.00	
Trục 4	-0.61*	-0.02	0.07	1.00

(*) Có ý nghĩa thống kê ở mức 0,05.

PHỤ LỤC 2: ĐẶC ĐIỂM CỦA MẪU THEO TỈNH, THÀNH PHỐ

